

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025¹

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Tên cơ sở đào tạo:** Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên.
2. **Mã cơ sở đào tạo:** DTF
3. **Địa chỉ:** Xã Quyết Thắng – Thành phố Thái Nguyên – Tỉnh Thái Nguyên.
- Điện thoại: 0208.3648.489
- Email: tuyensinh.sfl@tnu.edu.vn
4. **Địa chỉ trang thông tin điện tử**
<http://sfl.tnu.edu.vn> hoặc <https://sfl.tnu.edu.vn/tuyen-sinh-dai-hoc/>
5. **Số điện thoại liên hệ tuyển sinh**
- 0375.252.876 - Thầy Phạm Viết Ngọc;
- 0916.869.526 - Thầy Cao Việt Dũng;
- 0989.313.101 - Thầy Nguyễn Huy Hùng.
6. **Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo**
<https://sfl.tnu.edu.vn/chat-luong-giao-duc/>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng dự tuyển: Là người Việt Nam hoặc người nước ngoài thuộc một trong hai trường hợp sau:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Điều kiện dự tuyển

- Đạt ngưỡng đầu vào theo từng phương thức tuyển sinh;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định, không đang trong thời gian bị kỷ luật hoặc xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc người có hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật hoặc đã bị kết án mà chưa hết thời hạn xóa kỷ luật hoặc xóa án tích.

- Người nước ngoài đạt năng lực Tiếng Việt bậc 4 trở lên (theo khung năng lực Tiếng Việt dùng cho người nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

¹ Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh, tổ hợp tuyển sinh

2.1. Phương thức tuyển sinh

Năm 2025, Trường Ngoại ngữ tuyển sinh theo 6 phương thức với thứ tự ưu tiên như sau:

Thứ tự ưu tiên	Phương thức xét tuyển	Mã phương thức
1	Xét tuyển thẳng theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh	301
2	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	100
3	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế ² để xét tuyển	409
4	Xét kết quả học tập cấp THPT (Học bạ)	200
5	Kỳ thi V-SAT	416
6	Xét tuyển dự bị đại học	500

2.2. Tổ hợp xét tuyển

Năm 2025, Trường Ngoại ngữ xét tuyển theo 9 tổ hợp sau:

- D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
- D04: Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung
- D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
- D65: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Trung
- D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
- D45: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Trung
- D66: Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục công dân
- X78: Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
- X90: Ngữ văn, Tiếng Trung, Giáo dục Kinh tế và pháp luật.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đầu vào

3.1.1. Đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT

3.1.1.1. Xét tuyển theo kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025

a) Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên

Theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định năm 2025.

b) Đối với nhóm ngành đào tạo ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài.

Căn cứ kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025, Trường sẽ xây dựng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) cụ thể cho các ngành đào tạo và sẽ thông báo sau.

² Dùng điểm chứng chỉ quy đổi thay cho điểm thi tốt nghiệp (môn Tiếng Anh, Tiếng Trung) để xét tuyển.

3.1.1.2. Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

a) Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên

- Kết quả học tập 3 năm ở THPT được đánh giá đạt mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

- Điểm môn Ngoại ngữ trung bình 3 năm THPT đạt từ 9,0 trở lên.

b) Đối với nhóm ngành đào tạo ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài

Điểm môn Ngoại ngữ trung bình 3 năm THPT đạt từ 8,5 trở lên.

3.1.1.3. Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi V-SAT

Điểm môn Tiếng Anh đạt từ 110 trở lên.

3.1.2. Đối với thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển vào đại học nhóm ngành đào tạo giáo viên áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm chung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên.

- Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

- Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên.

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

3.2. Điểm xét tuyển

a) Xét tuyển theo kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025

- Theo kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2025, trong đó môn Ngoại ngữ nhân hệ số 2.

- Điểm xét tuyển = $[(\text{Môn 1} + \text{Môn 2} + \text{Ngoại ngữ} \times 2) / 4 \times 3] + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$.

Trong đó: Môn 1, Môn 2, Ngoại ngữ là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển.

- Điểm xét tuyển được tính theo thang điểm 30 và làm tròn đến 02 chữ số thập phân.

b) Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế (tiếng Anh, tiếng Trung) để xét tuyển

- Theo kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ giáo dục và Đào tạo năm 2025, và chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế quy đổi, trong đó môn Ngoại ngữ nhân hệ số 2.

- Điểm xét tuyển = $[(\text{Môn 1} + \text{Môn 2} + \text{Ngoại ngữ} \times 2) / 4 \times 3] + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$.

Trong đó: Môn 1, Môn 2 là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 thuộc tổ hợp xét tuyển, điểm môn Ngoại ngữ là điểm quy đổi từ chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế.

- Điểm xét tuyển được tính theo thang điểm 30 và làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế

IELTS	TOEIC (L&R/S/W)	TOEFL iBT	Điểm quy đổi
5.0	550/784/120/120	35-45	8.0
5.5	785/160/150	46-59	8.5
6.0	840/160/160	60-78	9
6.5	890/170/170	79-95	9.5
7.0 trở lên	945/180/180	96 ⁺	10

HSK và HSKK	Điểm quy đổi
HSK3 (từ 200-300), HSKK Sơ cấp (từ 60-100)	8.0
HSK4 (từ 180-220), HSKK Trung cấp (từ 60-100)	8.5
HSK4 (từ 221-300), HSKK Trung cấp (từ 60-100)	9
HSK5 (từ 180-300), HSKK Cao cấp (từ 60-100)	9.5
HSK6 (từ 180-300), HSKK Cao cấp (từ 60-100)	10

*** Các chứng chỉ trên phải còn trong thời hạn 2 năm tính từ ngày ghi trên chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ.**

c) Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

- Điểm xét tuyển được tính theo tổng điểm trung bình của 3 năm THPT của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển (môn Ngoại ngữ nhân hệ số 2) cộng với điểm ưu tiên (nếu có).

Điểm xét tuyển = $[(\text{Môn 1} + \text{Môn 2} + \text{Ngoại ngữ} \times 2) / 4 \times 3] + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$.

Trong đó: Môn 1, Môn 2, Ngoại ngữ là điểm trung bình của 3 năm THPT của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển.

- Điểm xét tuyển được tính theo thang điểm 30 và làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

d) Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi V-SAT

Theo kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025 của tổ hợp D01.

- Điểm xét tuyển = $[(\text{Môn 1} + \text{Môn 2} + \text{Ngoại ngữ} \times 2) / 4 \times 3] + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$.

Trong đó: Môn 1, Môn 2, Ngoại ngữ là điểm V-SAT sau khi quy đổi dựa trên kết quả phân tích và quy đổi điểm thi V-SAT năm 2025 và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 do Đại học Thái Nguyên cung cấp.

- Điểm xét tuyển được tính theo thang điểm 30 và làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Phương thức tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại học	7140231	Sư phạm Tiếng Anh Chương trình đào tạo: Sư phạm Tiếng Anh	71402	Đào tạo giáo viên	60	Xét tuyển thẳng: Theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh (Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022)
							Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp: D01, D14, D15, D66, X78
							Xét tuyển kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh, quốc tế quy đổi và điểm thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp: D01, D14, D15, D66, X78
							Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) gồm các tổ hợp: D01, D14, D15, D66, X78
							Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT theo tổ hợp D01
							Xét tuyển dự bị đại học gồm các tổ hợp: D01, D14, D15, D66, X78
2	Đại học	7140234	Sư phạm Tiếng Trung Quốc Chương trình đào tạo: Sư phạm Tiếng Trung Quốc	71402	Đào tạo giáo viên	30	Xét tuyển thẳng: Theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh (Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022)
							Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp: D01, D04, D14, D15, D45, D65, D66, X78, X90
							Xét tuyển kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh, Tiếng Trung quốc tế quy đổi và điểm thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp: D01, D04, D14, D15, D45, D65, D66, X78, X90
							Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) gồm các tổ hợp: D01, D04, D14, D15, D45, D65, D66, X78, X90
							Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT theo tổ hợp D01

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Phương thức tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							Xét tuyển dự bị đại học gồm các tổ hợp: D01, D04, D14, D15, D45, D65, D66, X78, X90
3	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh Chương trình đào tạo: - Ngôn ngữ Anh - Song ngữ Anh-Hàn - Tiếng Anh du lịch	72202	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	510	Xét tuyển thẳng: Theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh (Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022)
							Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp: D01, D14, D15, D66, X78
							Xét tuyển kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh, quốc tế quy đổi và điểm thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp: D01, D14, D15, D66, X78
							Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) gồm các tổ hợp: D01, D14, D15, D66, X78
							Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT theo tổ hợp D01
							Xét tuyển dự bị đại học gồm các tổ hợp: D01, D14, D15, D66, X78
4	Đại học	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc Chương trình đào tạo: - Ngôn ngữ Trung Quốc - Song ngữ Trung-Anh - Song ngữ Trung-Hàn - Tiếng Trung Quốc du lịch	72202	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	400	Xét tuyển thẳng: Theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh (Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022)
							Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp: D01, D04, D14, D15, D45, D65, D66, X78, X90
							Xét tuyển kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh, Tiếng Trung quốc tế quy đổi và điểm thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp: D01, D04, D14, D15, D45, D65, D66, X78, X90
							Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) gồm các tổ hợp: D01, D04, D14, D15, D45, D65, D66, X78, X90

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Phương thức tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT theo tổ hợp D01
							Xét tuyển dự bị đại học gồm các tổ hợp: D01, D04, D14, D15, D45, D65, D66, X78, X90
	Tổng chỉ tiêu					1000	

Nếu chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành không hết sẽ chuyển chỉ tiêu sang các ngành khác (trong cùng nhóm ngành đào tạo giáo viên/ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài)

5. Các thông tin cần thiết khác

Điểm chênh lệch: Không có điểm chênh lệch giữa các tổ hợp môn xét tuyển.

- **Điểm xét tuyển:** Là tổng điểm 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển theo thang điểm 10 cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có) được làm tròn đến hai chữ số thập phân, trong đó môn Ngoại ngữ nhân hệ số 2. Điểm xét tuyển được tính theo thang điểm 30.

- **Nguyên tắc xét tuyển:** Điểm xét tuyển được xét từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Trường hợp số thí sinh có tổng điểm xét tuyển bằng nhau nhiều hơn số chỉ tiêu còn lại, thì ưu tiên xét tuyển thí sinh có môn Ngoại ngữ cao hơn, nếu điểm Ngoại ngữ bằng nhau và vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên theo phương thức xét tuyển tại mục II.2.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Xét tuyển đợt 1: Theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

- Đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển: Từ ngày 16/7/2025 đến 17h00 ngày 28/7/2025.

- Tổ chức xét tuyển: Từ ngày 13/8/2025 đến 17h00 ngày 20/8/2025.

- Công bố kết quả trúng tuyển: Chậm nhất 17h00 ngày 22/8/2025.

- Xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống: Chậm nhất 17h00 ngày 30/8/2025.

Lưu ý:

+ *Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và Nhà trường sẽ xét tuyển thí sinh khác trong đợt xét tuyển bổ sung.*

+ *Thí sinh nộp hồ sơ để nhập học theo **Giấy báo trúng tuyển** của Nhà trường.*

+ *Thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2025, trung cấp (thí sinh tự do) đăng ký xét tuyển theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh đăng ký thông tin cá nhân trên Hệ thống theo mẫu phiếu tại Phụ lục III và nộp tại các điểm tiếp nhận theo hướng dẫn của sở giáo dục và đào tạo nơi thí sinh thường trú.*

6.2. Xét tuyển đợt 2 và các đợt bổ sung (nếu có): Từ ngày 15/9/2025 đến 31/12/2025.

Nhà trường sẽ thông báo thông tin chi tiết tại website: <https://sfl.tnu.edu.vn/tuyen-sinh-dai-hoc/>, hoặc qua website của Đại học Thái Nguyên: <http://tnu.edu.vn>.

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Chính sách ưu tiên chung

Những thí sinh thuộc diện ưu tiên đối tượng, khu vực được hưởng chính sách ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành, cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD\&ĐT}$.

7.2. Xét tuyển thẳng

a) Điều kiện để công nhận trúng tuyển: **Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông.**

b) Chỉ tiêu xét tuyển: Nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy theo từng ngành đào tạo.

c) Đối tượng xét tuyển:

+ Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành đào tạo của Nhà trường;

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế môn Ngoại ngữ được đăng ký xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT vào các ngành có ngoại ngữ đoạt giải, riêng môn Tiếng Anh được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành. Thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

+ Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ. Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 01 (một) năm học trước khi vào học chính thức.

d) Đăng ký xét tuyển thẳng:

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (Phụ lục I, Phụ lục II).

+ Bản sao hợp lệ các minh chứng thuộc diện xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh.

- Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển: Theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hình thức nộp hồ sơ: Thí sinh có thể nộp 1 trong 2 hình thức sau đây:

+ Gửi chuyển phát nhanh qua đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Đào tạo và Quản lý người học A202, Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (liên hệ chuyên viên Vũ Mai My, SĐT: 0868 299 268).

+ Nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo và Quản lý người học A202, Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên (liên hệ chuyên viên Vũ Mai My, SĐT: 0868 299 268).

đ) Tổ chức xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển: Theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

e) Thí sinh xác nhận nhập học trên hệ thống: Theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7.3. Ưu tiên xét tuyển

Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Ngoại ngữ thuộc tổ hợp môn đăng ký xét tuyển trong năm tốt nghiệp THPT được cộng 01 (một) điểm vào điểm xét tuyển. Thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

8. Lệ phí xét tuyển: 20.000 VNĐ/01 nguyện vọng.

9. Học phí dự kiến, lộ trình tăng học phí

- Học phí: Theo quy định hiện hành.

- Lộ trình tăng học phí hàng năm theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

về Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Đối với sinh viên thuộc diện chính sách: Được hưởng các chính sách theo quy định, cụ thể:

+ Miễn, giảm học phí: từ 50 - 100% học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

+ Trợ cấp xã hội hằng tháng: Mức 100.000 - 140.000 đồng/tháng tùy đối tượng.

+ Hỗ trợ chi phí học tập: 60% mức lương cơ sở/học kỳ cho sinh viên đối tượng Dân tộc - hộ nghèo, cận nghèo.

+ Hỗ trợ học tập: 100% mức lương cơ sở /học kỳ cho sinh viên đối tượng Dân tộc rất ít người

- Đối với sinh viên ngành sư phạm: Được đăng ký hưởng chính sách hỗ trợ học phí và sinh hoạt phí theo Nghị định 116/NĐ-CP.

Ngoài ra sinh viên có cơ hội được nhận các Học bổng sau:

- Học bổng: Thủ khoa đầu vào, Thủ khoa tốt nghiệp.

- Học bổng khuyến khích học tập: Mức Xuất sắc, Giỏi, Khá theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo (trích từ 8% nguồn thu học phí cho sinh viên chính quy).

- Học bổng ngoài ngân sách: Nâng bước Thủ khoa, Học bổng Panasonic, Học bổng Vallet, Học bổng Hessen,...

10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

- Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

+ Đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;

+ Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

- Thời gian bảo lưu: 3 năm.

11. Thông tin tuyển sinh của 02 năm gần nhất

Mã ngành xét tuyển	Tên ngành	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Tuyển sinh năm 2023			Tuyển sinh năm 2024		
					Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
7140231	Sư phạm Tiếng Anh	71402	Đào tạo giáo viên	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	60	58	25,90	60	25	26,95
				Xét kết quả học tập ở cấp THPT	20	20	27,55	17	18	28,5
7140234	Sư phạm tiếng Trung Quốc			Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	10	9	25,15	10	12	26,65
				Xét kết quả học tập cấp THPT	10	12	26,65	07	09	27,95
7220201	Ngôn ngữ Anh	72202	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	200	219	23,00	230	270	23,7
				Xét kết quả học tập cấp THPT	105	101	24,50	100	198	23,7
				Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	10	10	16,00	10	08	16,00

Mã ngành xét tuyển	Tên ngành	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Tuyển sinh năm 2023			Tuyển sinh năm 2024		
					Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
7220203	Ngôn ngữ Pháp			Xét kết quả học tập cấp THPT	10	02	18,00	9	02	18,00
7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc			Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	210	202	24,00	240	259	24,5
				Xét kết quả học tập cấp THPT	115	127	25,85	105	140	26,5

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC

1. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT

1.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1.1.1. Đối tượng

Là người Việt Nam hoặc người nước ngoài thuộc một trong hai trường hợp sau:

+ Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

+ Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.1.2. Điều kiện

- Đạt ngưỡng đầu vào theo từng phương thức tuyển sinh;
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
- Có lý lịch rõ ràng, được cơ quan có thẩm quyền hoặc phường, xã nơi cư trú xác nhận, không trong thời gian thi hành kỷ luật mức cảnh cáo trở lên, không trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Người nước ngoài đạt năng lực Tiếng Việt bậc 4 trở lên (theo khung năng lực Tiếng Việt dùng cho người nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Nộp hồ sơ, lệ phí đăng ký dự tuyển đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

1.2. Phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển

1.2.1. Phương thức tuyển sinh

- Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025.
- Xét tuyển theo kết quả học tập ở THPT (học bạ).

1.2.2. Tổ hợp xét tuyển

Năm 2025, Trường Ngoại ngữ xét tuyển theo các tổ hợp sau:

- D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
- D04: Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung
- D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
- D65: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Trung
- D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
- D45: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Trung
- D66: Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục công dân
- X78: Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
- X90: Ngữ văn, Tiếng Trung, Giáo dục Kinh tế và pháp luật.

1.3. Ngưỡng đầu vào

Ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định năm 2025.

- Kết quả học tập 3 năm ở THPT được đánh giá đạt mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

1.4. Điểm xét tuyển

1.4.1. Xét tuyển theo kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025

Điểm xét tuyển = Môn 1 + Môn 2 + Môn Ngoại ngữ + Điểm ưu tiên (nếu có).

Trong đó: Môn 1, Môn 2, Ngoại ngữ là kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển (điểm mỗi môn được tính theo thang điểm 10).

1.4.2. Xét tuyển theo kết quả học tập ở THPT (học bạ)

Điểm xét tuyển = Môn 1 + Môn 2 + Môn Ngoại ngữ + Điểm ưu tiên (nếu có).

Trong đó: Môn 1, Môn 2, Ngoại ngữ là điểm trung bình 3 năm THPT của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển (điểm mỗi môn được tính theo thang điểm 10).

1.5. Chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số QĐ đào tạo	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có TQ cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	20	265/QĐ-ĐHTN-ĐT	14/04/2011	ĐHTN	2011

1.6. Các thông tin cần thiết khác

Xét tuyển theo điểm trong các phương thức tuyển sinh từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Trường hợp số thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau nhiều hơn số chỉ tiêu còn lại, thí sinh nào có điểm ngoại ngữ cao hơn sẽ được ưu tiên xét tuyển.

1.7. Tổ chức tuyển sinh

- Thời gian đăng ký xét tuyển/thi tuyển (dự kiến): Đợt 1: Tháng 8 năm 2025; Đợt 2: Tháng 11/2025 (nếu còn chỉ tiêu).

- Hồ sơ đăng ký gồm:

- + Phiếu đăng ký (theo mẫu của Trường Ngoại ngữ);
- + Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (công chứng);
- + Phiếu điểm của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (công chứng).

1.8. Chính sách ưu tiên

Những thí sinh thuộc diện ưu tiên đối tượng, khu vực được hưởng chính sách ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ GD&ĐT hiện hành, cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD\&ĐT}$.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: 20.000 VNĐ/nguyên vọng.

1.10. Học phí dự kiến, lộ trình tăng học phí

- Học phí đào tạo hình thức VLVH: Không vượt quá 150% mức thu học phí so với đào tạo chính quy tương ứng theo quy định.

- Lộ trình tăng học phí hàng năm theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 về Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên

2.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

2.1.1. Đối tượng

- Là người Việt Nam hoặc người nước ngoài thuộc một trong hai trường hợp sau:
 + Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.
 + Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Điều kiện

- Đạt ngưỡng đầu vào theo từng phương thức tuyển sinh;
 - Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
 - Có lý lịch rõ ràng, được cơ quan có thẩm quyền hoặc phường, xã nơi cư trú xác nhận, không trong thời gian thi hành kỷ luật mức cảnh cáo trở lên, không trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Người nước ngoài đạt năng lực Tiếng Việt bậc 4 trở lên (theo khung năng lực Tiếng Việt dùng cho người nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Nộp hồ sơ, lệ phí đăng ký dự tuyển đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

2.2. Phương thức tuyển sinh

2.2.1. Nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học liên thông từ cao đẳng

- Xét tuyển theo kết quả học tập văn bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

2.2.2. Ngành đào tạo ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài trình độ đại học đối với người đã có bằng đại học (đại học văn bằng 2)

- Xét tuyển theo kết quả học tập văn bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất.

2.3. Ngưỡng đầu vào

2.3.1. Nhóm ngành đào tạo giáo viên đối tượng từ cao đẳng lên đại học

Ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên;

- Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp cao đẳng đạt loại giỏi trở lên;

- Tốt nghiệp cao đẳng đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

2.3.2. Nhóm ngành đào tạo ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên (đại học văn bằng 2)

Trung bình chung kết quả học tập toàn khóa ở văn bằng đại học thứ nhất đạt từ 5,0 (theo thang điểm 10) hoặc từ 2,00 (theo thang điểm 4) trở lên.

2.4. Điểm xét tuyển

Điểm xét tuyển là điểm trung bình chung kết quả học tập toàn khóa ở văn bằng cao đẳng, đại học.

2.5. Chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Số QĐ đào tạo	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có TQ cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1	7140231	Sư phạm Tiếng Anh (đối tượng từ cao đẳng lên đại học)	20	265/QĐ-ĐHTN-ĐT	14/04/2011	ĐHTN	2011
2	7220201	Ngôn ngữ Anh (đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên)	150	141/QĐ-ĐHTN-ĐT	03/03/2011	ĐHTN	2011
3	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc (đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên)	50	141/QĐ-ĐHTN-ĐT	03/03/2011	ĐHTN	2011

Nếu chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành không hết sẽ chuyển chỉ tiêu sang ngành tuyển sinh khác (trong cùng nhóm ngành đào tạo giáo viên/ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài).

2.6. Các thông tin cần thiết khác

Xét tuyển theo điểm trong các phương thức tuyển sinh từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Trường hợp số thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau nhiều hơn số chỉ tiêu còn lại, thí sinh nào có điểm ngoại ngữ cao hơn sẽ được ưu tiên xét tuyển.

2.7. Tổ chức tuyển sinh

2.7.1. Nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học liên thông từ cao đẳng

- Thời gian đăng ký xét tuyển/thi tuyển (dự kiến): Đợt 1: Tháng 6 năm 2025; Đợt 2: Tháng 11/2025 (nếu còn chỉ tiêu).

- Hồ sơ đăng ký:

- + Phiếu đăng ký (theo mẫu của Trường Ngoại ngữ);
- + Bằng tốt nghiệp cao đẳng (công chứng);
- + Bảng điểm toàn khóa ở bậc cao đẳng (công chứng);
- + Học bạ THPT (công chứng);
- + Minh chứng về 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

2.7.2. Nhóm ngành đào tạo ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài trình độ đại học đối với người đã có bằng đại học (đại học văn bằng 2)

- Thời gian đăng ký xét tuyển/thi tuyển (dự kiến): Đợt 1: Tháng 6 năm 2025; Đợt 2: Tháng 11/2025 (nếu còn chỉ tiêu).

- Hồ sơ đăng ký gồm:

- + Phiếu đăng ký (theo mẫu của Trường Ngoại ngữ);
- + Bằng tốt nghiệp đại học (công chứng);
- + Bảng điểm toàn khóa đại học (công chứng).

2.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: 20.000 VNĐ/nguyên vọng.

2.9. Học phí dự kiến, lộ trình tăng học phí

- Học phí đào tạo hình thức vừa làm vừa học: Không vượt quá 150% mức thu học phí so với đào tạo chính quy tương ứng theo.

- Lộ trình tăng học phí hàng năm theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 về Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

IV. CAM KẾT ĐỐI VỚI THÍ SINH

- Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập: Nhà trường thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký và theo học các ngành phù hợp.

- Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh.

V. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Các quy định, quy chế, hướng dẫn, biểu mẫu, kế hoạch, thông báo tuyển sinh,... được đăng tải trên website: <http://sfl.tnu.edu.vn> hoặc <https://sfl.tnu.edu.vn/tuyen-sinh-dai-hoc/>.

2. Hồ sơ gốc (bản chính văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận ưu tiên,...) thí sinh sẽ phải nộp lại cho Nhà trường **khi nhập học** để đối chiếu. Nếu phát hiện sai phạm, thí sinh sẽ bị xử lý theo quy định.

3. Thí sinh có trách nhiệm thường xuyên cập nhật các thông tin về tuyển sinh trên website của Nhà trường. / 

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Nguyễn Hữu Công

PHỤ LỤC I

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2025**

(Kèm theo Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025 của Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2025**

*(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thăng theo quy định tại
khoản 1, 2 và điểm a khoản 5 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh)*

Ảnh 4x6

1. Họ và tên thí sinh *(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

..... *(nữ ghi 1, nam ghi 0)*

Giới ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

Ngày

Tháng

Năm

3. Số CMND/CCCD *(như hồ sơ đăng ký dự thi)*

4. Điện thoại *(như hồ sơ đăng ký dự thi):* **Email:**

5. Nơi sinh *(tỉnh, thành phố):*

6. Năm tốt nghiệp THPT

7. Năm đoạt giải:

8. Môn đoạt giải, loại giải, huy chương

Môn đoạt giải

Loại giải, loại huy chương

9. Trong đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế năm **môn:**

10. Đăng ký xét tuyển thăng hoặc ưu tiên xét tuyển thăng vào CSĐT/ngành học:

(thí sinh có thể chọn (ghi rõ) phương thức XTT, UTXT hoặc cả 2 phương thức vào các dòng tương ứng tại các cột Xét tuyển thăng, Ưu tiên xét tuyển)

Số TT	Mã CSĐT (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành	Xét tuyển thăng	Ưu tiên xét tuyển
1					
2					
3					
4					
5					
...					
...					

11. Địa chỉ báo tin:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trường THPT.....đã
khai đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2025

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2025

Chữ ký của thí sinh

PHỤ LỤC II

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2025**

(Kèm theo Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025 của Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2025**
*(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại
điểm b, c, khoản 4 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh)*

Ảnh 4x6

1. Họ và tên thí sinh *(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

..... *(nữ ghi 1, nam ghi 0)*

Giới

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

3. Số CMND/CCCD *(như hồ sơ đăng ký dự thi)*

4. Điện thoại *(như hồ sơ đăng ký dự thi)*: **Email**:

5. Hộ khẩu thường trú *(Ghi rõ xã, huyện, tỉnh)*.....

6. Dân tộc:

7. Nơi học THPT hoặc tương đương:

- Năm lớp 10:

- Năm lớp 11:

- Năm lớp 12:

8. Năm tốt nghiệp THPT:.....

9. Học lực: Năm lớp 10:; Năm lớp 11:; Năm lớp 12:

10. Đăng ký xét tuyển thẳng vào CSĐT/ngành học:

Số TT	Mã CSĐT (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành
1			
2			
3			
4			
5			
...			
...			
...			
...			

11. Địa chỉ báo tin:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 Trường THPT.....
đã khai đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2025

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2025

Chữ ký của thí sinh

PHỤ LỤC III

PHIẾU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN CÁ NHÂN

(Kèm theo Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025 của Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên)

SỞ GD&ĐT.....MÃ SỞ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số phiếu:

PHIẾU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN CÁ NHÂN
ĐỐI TƯỢNG THÍ SINH ĐÃ TỐT NGHIỆP THPT, TRUNG CẤP

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

Giới tính (Nữ ghi 1, Nam ghi 0) ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)

Ngày

Tháng

Năm

3. a) Nơi sinh (tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương; sau đây viết tắt là tỉnh/thành phố):

b) Dân tộc (Ghi bằng chữ):

c) Quốc tịch nước ngoài ☐

4. CMND/CCCD (Ghi mỗi chữ số vào một ô)

5. Nơi thường trú:

Mã tỉnh/thành phố Mã huyện (quận) Mã xã (phường)

Ghi rõ tên tỉnh/thành phố, huyện (quận), xã (phường) vào dòng trống sau:

Nơi thường trú trên 18 tháng tại khu vực 1: ☐ Nơi thường trú trên 18 tháng tại xã đặc biệt khó khăn: ☐

6. Nơi học THPT hoặc tương đương (Ghi tên trường và nơi trường đóng: huyện (quận), tỉnh/thành phố và ghi mã tỉnh, mã trường):

Năm lớp 10.....

Năm lớp 11.....

Năm lớp 12.....

Tên lớp 12:

Mã Tỉnh Mã Trường

7. Điện thoại: Email:

8. Họ tên, điện thoại và địa chỉ người liên hệ:

CAM ĐOAN VÀ XÁC NHẬN

Tôi xin cam đoan những lời khai trong Phiếu ĐKDT này là đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành.

Ngày tháng năm 2025

Chữ ký của thí sinh

Ảnh

4x6

Xác nhận người khai Phiếu này đang cư trú ở xã, phường:

huyện.....

tỉnh.....

Ngày tháng năm 2025

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC IV

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC
SỬ DỤNG KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ ĐẦU VÀO ĐẠI HỌC V-SAT
(Kèm theo Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025 của Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên)

1. **Họ và tên thí sinh** (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)
..... (nữ ghi 1, nam ghi 0) **Giới tính** ☐
2. **Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh**
(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày
tháng
năm
3. **Số CMND/CCCD** (như hồ sơ đăng ký dự thi)
4. **Hộ khẩu thường trú** (Ghi rõ xã, huyện, tỉnh).....
5. **Dân tộc:**
6. **Đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh (01, 02, 03, 04, 05, 06, 07):**
7. **Khu vực ưu tiên trong tuyển sinh (KV1, KV2-NT, KV2, KV3):**
8. **Nơi học THPT hoặc tương đương:**
 - Năm lớp 10:
 - Năm lớp 11:
 - Năm lớp 12:
9. **Năm tốt nghiệp THPT hoặc tương đương:**
10. **Điện thoại liên hệ:** **Email:**
11. **Địa chỉ báo tin:**
12. **Kết quả thi đánh giá đầu vào đại học V-SAT:** (Điền kết quả 03 môn thi sử dụng để đăng ký xét tuyển): Môn 1:; Môn 2:; Môn 3:
13. **Đăng ký xét tuyển vào ngành đào tạo** (ghi đúng tên và mã ngành đào tạo trong Đề án tuyển sinh của Nhà trường)

Số TT	Mã ngành	Tên ngành	Ghi chú
1			
2			
3			
...			

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Ngày tháng năm 2025

Thí sinh

(Ký và ghi rõ họ tên)